

Bản án số: 37/2025/HS-ST

Ngày 12 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Hồ Hữu Thoả

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 30/2025/TLST - HS ngày 28 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/2025/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 5 năm 2025. Phiên tòa được xét xử trực tuyến; điểm cầu chính: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; điểm cầu T phần: Tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Hỗ trợ tại điểm cầu Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An: Ông Nguyễn Văn Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An; hỗ trợ tại điểm cầu chính: Ông Phạm Ngọc Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu; đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 18/9/1989 tại huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã VH, huyện QL, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông: Bùi Duy N, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1967; Chồng: Đặng Tiến T, sinh năm 1988, con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Ngày 28/02/2024 bị Tòa án nhân dân

tỉnh Nghệ An xử phạt 13 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm” (Chưa chấp hành hình phạt do hoãn thi hành án). Tiền sự: Không. Nhân T: Ngày 22/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội “Buôn bán hàng cấm” (đã chấp hành xong hình phạt). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2025 đến nay; có mặt.

2. Vũ Thị T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/12/1968 tại huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn 12, xã VH, huyện QL, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông: Vũ Thế Q (đã chết) và bà Trần Thị N (đã chết); Chồng: Hoàng Ngọc L, sinh năm 1968, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự, nhân T: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2025 đến ngày 26/3/2025 thì được tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Bà Hồ Thị D, sinh năm 1958, vắng mặt

Trú tại: Thôn 7, xã PN, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Đặng Tiến T, sinh năm 1988; vắng mặt

Trú tại: Thôn 1, xã VH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/3/2025, Bùi Thị N điều khiển xe mô tô mang Biển kiểm soát 37L1-339.61 của anh Đặng Tiến T đi đến quán Karaoke “Thọ N” (thuộc thôn 11, xã VH, huyện QL, tỉnh Nghệ An) để rủ Vũ Thị T cùng đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô chở T đi đến nhà bà Hồ Thị D (sinh năm 1958, trú tại thôn 7, xã PN, huyện QL, tỉnh Nghệ An). Lúc này, T đứng chờ ở cổng còn N đi vào nhà bà D để tìm kiếm tài sản trộm cắp thì thấy trên bàn uống nước có một chiếc điện thoại OPPO A18; sau đó, N đi ra cổng gặp T và nói “*Vào lấy chiếc điện thoại ở trong bàn*” thì T hiểu là N nói vào nhà bà D để lấy trộm chiếc điện thoại trên nên T đi đến bàn uống nước trong nhà của bà D lấy trộm chiếc điện thoại và cất dấu vào túi quần rồi đi ra ngoài cổng gặp N. Lúc này, N gặp bà D nên đứng nói chuyện một lúc rồi N điều khiển xe mô tô chở T về nhà. Trên đường về, T đưa cho N chiếc điện thoại vừa lấy trộm được rồi cùng đi đến một cửa hàng

điện thoại (không rõ tên cửa hàng) để bán nhưng chủ cửa hàng chỉ mua với số tiền 1.500.000 đồng nên N không bán nữa mà đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, N và T thống nhất bán chiếc điện thoại trên với số tiền 1.600.000 đồng nên N đưa cho T số tiền 800.000 đồng còn N đưa chiếc điện thoại này cất dấu nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Đến ngày 19/3/2025, bà Hồ Thị D phát hiện bị mất trộm chiếc điện thoại trên nên đã làm đơn trình báo Công an xã PN. Đến 13 giờ 30 phút và 13 giờ 35 phút ngày 20/3/2025, lần lượt Bùi Thị N và Vũ Thị T đến Công an xã PN, huyện QL, tỉnh Nghệ An để đầu thú. Đồng thời, N tự nguyện giao nộp 01 chiếc ĐTDĐ OPPO A18 do Bùi Thị N và Vũ Thị T lấy trộm của bà Hồ Thị D và 01 chiếc ĐTDĐ OPPO F9 của Bùi Thị N; 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade, BKS 37L1-339.61 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đặng Tiến T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐGTS ngày 20/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A18, màu đen, có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 2.500.000đ.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKS-QL ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, truy tố các bị cáo Bùi Thị N, Vũ Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thị N, Vũ Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự đối với Bùi Thị N.

Xử phạt: Bùi Thị N 09 - 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 13 (Mười ba) tháng tù của Bản án số 19/2024/HSST, ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An; Buộc Bùi Thị N phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 22 – 25 tháng tù.

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Vũ Thị T.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị T 07 - 10 tháng cải tạo không giam giữ.

Không phạt bổ sung bị cáo N, không khấu trừ thu nhập bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Bị cáo N không yêu cầu bị cáo T trả lại 800.000đ nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 điện thoại Oppo F9 cho bị cáo N; Trả lại 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 37L1- 339.61 cho anh T.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị N, Vũ Thị T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy phù hợp với thời gian, địa điểm mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nên có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/3/2025, Bùi Thị N điều khiển xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 37L1- 339.61 chở Vũ Thị T đến nhà bà Hồ Thị D ở thôn 7, xã PN, huyện QL, tỉnh Nghệ An để lấy trộm 01 chiếc điện thoại Oppo A18 có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 2.500.000đ.

Đối với anh Đặng Tiến T là chủ sở hữu chiếc xe mô tô Honda Airblade, Biển kiểm soát 37L1-339.61, tuy nhiên anh T không biết việc bị cáo Bùi Thị N đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên không chịu trách nhiệm hình sự.

Quá trình phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức và điều khiển hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật nhưng do coi thường pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo thực hiện nêu trên có đủ căn cứ kết luận Bùi Thị N, Vũ Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội gây hoang mang, lo lắng trong cuộc sống bình thường của nhân dân. Bởi vậy, căn cứ vào nhân T, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, cần thiết phải xử phạt nghiêm khắc bằng hình phạt tù, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện.

[4] Vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, Trong vụ án này vai trò của các bị cáo như sau: Bùi Thị N là người khởi xướng nên xếp vai trò đầu vụ; T vai trò thứ yếu.

[5] Bị cáo Bùi Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản” khi đang hoãn thi hành án 13 (Mười ba) tháng tù của bản án số 19/2024/HSST, ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nên Bùi Thị N bị tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến ngày 04/7/2023 của bản án số 19/2024/HSST, ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[6] Bị cáo N phạm tội có tình tiết tăng nặng là tái phạm; bị cáo T không có tình tiết tăng nặng.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; giá trị thiệt hại không lớn. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo N có thêm tình tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả.

Tuy nhiên, bị cáo N có nhân T xấu, đang trong thời gian hoãn thi hành án nhưng không lấy đó làm bài học mà bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện tính liều lĩnh, coi thường pháp luật, do đó cần cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo T nhất thời phạm tội, có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ niềm tin để bị cáo trở T công dân tốt cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế nên miễn phạt tiền bổ sung đối với bị cáo N, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Bị cáo Bùi Thị N không yêu cầu bị cáo Vũ Thị T trả lại 800.000đ nên không xem xét

[9] Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại Oppo F9 thu giữ của bị cáo N không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho N; 01 chiếc xe mô tô Honda Aiblade biển kiểm soát 37L1- 339.61 là tài sản của anh Đặng Tiến T, bị cáo N dùng vào việc phạm tội, anh T không biết nên trả lại cho anh T.

Trả lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đặng Tiến T cho anh Đặng Tiến T.

[10] Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Bùi Thị N.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Vũ Thị T.

2. Xử phạt:

-Xử phạt bị cáo Bùi Thị N 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tổng hợp hình phạt 13 (Mười ba) tháng tù của Bản án số 19/2024/HSST, ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Buộc bị cáo Bùi Thị N phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 19 (Mười chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (20/3/2025) nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến ngày 04/7/2023 của bản án số 19/2024/HSST, ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc” nhưng được trừ 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn lại phải thi hành 05 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. (Do bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2025 đến ngày 26/3/2025 là 06 ngày x 3 = 18 ngày cải tạo không giam giữ).

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Vũ Thị T được tính từ ngày Cơ quan thi hành án Hình sự Công an tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Vũ Thị T cho Công an xã Văn Hải, tỉnh Nghệ An giám sát; UBND xã Văn Hải giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại 01 điện thoại Oppo F9 cho bị cáo Bùi Thị N; Trả lại 01 chiếc xe mô tô Honda Aiblade biển kiểm soát 37L1- 339.61 cho anh Đặng Văn T (Điện thoại, xe mô tô có số lượng, đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày

23/5/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu và Chi cục thi hành án Dân sự huyện Quỳnh Lưu).

Trả lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đặng Tiến T cho anh Đặng Tiến T.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Bùi Thị N, Vũ Thị T mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND H. Quỳnh Lưu;
- Cơ quan THAHSCA tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã VH;
- Lưu hồ sơ, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hà